

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/2017/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 13 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 344/TTr-STC ngày 01 tháng 9 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển từ đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển từ đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước phải nộp một khoản tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

3. Mức thu và thời hạn nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

a) Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa:

$$\text{Mức thu} = \frac{\text{Diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất phi nông nghiệp}}{\text{Giá của loại đất trồng lúa tính theo Bảng giá đất đang được áp dụng tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do UBND tỉnh ban hành}} \times 50\%$$

b) Thời hạn nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa:

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo khoản tiền phải nộp của Cục Thuế tỉnh (đối với cơ quan, tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp), Chi cục Thuế các huyện, thị xã, thành phố (đối với hộ gia đình, cá nhân được nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp), người sử dụng đất phải nộp 100% số tiền theo thông báo vào ngân sách nhà nước. Quá thời hạn, người sử dụng đất chưa nộp đủ số tiền theo thông báo thì phải nộp tiền chậm nộp đối với số tiền chưa nộp theo mức quy định của pháp luật.

4. Quản lý, sử dụng tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

Khoản thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa nộp vào ngân sách cấp tỉnh, được sử dụng theo các nội dung sau:

a) Quy hoạch, lập bản đồ, phân tích chất lượng hóa, lý tính các vùng đất chuyên trồng lúa nước có năng suất chất lượng cao định kỳ 10 năm.

b) Cải tạo nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại.

c) Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã, ưu tiên đầu tư hệ thống giao thông, thủy lợi trên đất trồng lúa.

d) Khai hoang phục hóa đất chưa sử dụng thành đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại.

đ) Hỗ trợ trực tiếp cho người trồng lúa áp dụng giống mới, tiên bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa; hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Điều 2. Trách nhiệm của các sở, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Hàng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh diện tích đất chuyên trồng lúa nước giảm do chuyển đổi mục đích sử dụng.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc nộp, quản lý, sử dụng nguồn kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Cung cấp thông tin về diện tích, giá đất trồng lúa nước tại vị trí được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp của các cơ quan, tổ chức cho Cục Thuế tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành có liên quan tiến hành thanh tra, kiểm tra việc quản lý và sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh.

c) Hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố xác định cụ thể diện tích, ranh giới đất trồng lúa, lập bản đồ đất trồng lúa theo quy định.

d) Hàng năm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về tình hình quản lý và sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh.

e) Rà soát những trường hợp đã được UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp (đối với tổ chức), phát sinh từ thời điểm Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực (từ ngày 01/7/2015) đến ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành mà chưa nộp tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa; cung cấp thông tin để cơ quan thuế thực hiện thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định.

4. Cơ quan Thuế

a) Cục Thuế tỉnh căn cứ thông tin do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp, xác định số tiền phải nộp và ban hành thông báo gửi cơ quan, tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước.

b) Chi cục Thuế các huyện, thị xã, thành phố căn cứ thông tin do Phòng Tài nguyên và Môi trường cung cấp, xác định số tiền phải nộp và ban hành thông báo gửi hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường cung cấp thông tin về diện tích, giá đất trồng lúa nước tại vị trí được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân cho Chi cục Thuế huyện, thị xã, thành phố.

b) Tổ chức công khai và quản lý chặt chẽ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa của địa phương đã được xét duyệt; xác định cụ thể diện tích, ranh giới đất trồng lúa, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về việc bảo vệ diện tích, chỉ giới, chất lượng đất trồng lúa nước theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa đã được phê duyệt.

d) Định kỳ hàng năm (trước ngày 01 tháng 10) tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) về tình hình quản lý và sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 11 năm 2017.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị